

Bản án số: 260/2023/DS-PT
Ngày: 09 - 3 - 2023
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Giảng
Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thủy
Bà Trần Thị Kim Quy.

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Nguyễn Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hoàng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 tháng 01 và 09 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án
nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ
lý số 568/DSPT ngày 06/12/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 351/2022/DS-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án
nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 458/QĐXXPT-DS ngày 09 tháng 02
năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm: 1943 (Có mặt).

Địa chỉ: 74/7T, phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Lê Văn D, sinh năm: 1972 (Có mặt).

Địa chỉ: 74/7T, phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy
quyền ngày 10/5/2022).

Bị đơn: Bà Huỳnh Lê Hồng Ch, sinh năm 1980 (Có mặt).

Địa chỉ: 817/2 L, phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Lê Văn Nh, sinh năm: 1978 (Có mặt).

Địa chỉ: 347/10A (nay là 297/25) Đ, phường T, quận A, Thành phố Hồ Chí
Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 26/02/2019).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Phan Thị N, sinh năm 1950.

Địa chỉ: 74/7T, phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Lê Văn D, sinh năm: 1972 (Có mặt).

Địa chỉ: 74/7T, phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 26/3/2019).

2/ Công ty TNHH May Trường T.

Địa chỉ: 2654B (nay là 817/4) L, phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Huỳnh Lê Hồng Ch – Giám đốc (Có mặt).

3. Ông Nguyễn Đắc Minh Q, sinh năm: 1977 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 21T, phường G, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ngân hàng TMCP S Việt Nam.

Địa chỉ: Lầu 8, số 266-268N, Phường H, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trần Đại Ng (Vắng mặt).

Địa chỉ: 231V, phường C, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 915T, phường C, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Ông Huỳnh Ngọc Phương, sinh năm: 1957 (Có mặt).

Địa chỉ: 817/2L, phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Bà Lê Thị H, sinh năm 1956.

Địa chỉ: 817/2L, phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Huỳnh Ngọc Ph, sinh năm: 1957 (Có mặt).

Địa chỉ: 817/2L, phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/11/2018 và quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm, nguyên đơn ông Lê Văn L và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Năm 2010, gia đình ông L cần vốn làm ăn nhưng không vay ngân hàng được. Qua mối quan hệ quen biết, ông L nhờ bà Huỳnh Lê Hồng Ch là Giám đốc Công ty TNHH May Trường T đứng ra vay Ngân hàng TMCP Ph số tiền 650.000.000 đồng. Vợ chồng bà N, ông L đứng ra bảo lãnh số tiền vay này bằng nhà và đất của ông bà tại địa chỉ 74/7 đường H (nay là đường T), Phường H, quận B, Tp. Hồ Chí Minh. Hợp đồng tín dụng số 011/08/10BL ngày 05/8/2010 giữa bên cho vay Ngân hàng TMCP Ph, bên vay là Công ty TNHH May Trường T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vợ chồng bà N ông L, số tiền vay là 650.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng từ ngày 05/8/2010 đến ngày 05/8/2011, lãi suất 1,6%/tháng.

Sau khi hết hạn vay, ông L mang tiền qua cho bà Ch trả Ngân hàng để giải chấp căn nhà cho vợ chồng bà N, ông L. Bà Ch đề nghị với ông Long cho bà Ch vay lại số tiền 650.000.000 đồng, hàng tháng bà Ch sẽ trả lãi cho Ngân hàng và chịu trách nhiệm thanh toán khi đến hạn. Vì tình nghĩa nên vợ chồng bà N, ông L đã đồng ý cho bà Ch vay số tiền 650.000.000 đồng với hình thức đứng ra bảo lãnh khoản vay này bằng nhà và đất như đã vay tại Hợp đồng tín dụng số

011/08/10BL ngày 05/8/2010. Ngày 14/4/2011, ông L và bà Ch đã ký hợp đồng vay tiền không biện pháp bảo đảm, số tiền vay là 650.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 14/6/2011. Hợp đồng đã được Văn phòng công chứng B công chứng số 005127 ngày 14/4/2011.

Ngày 19/8/2011, ông L đưa tiền cho bà Ch đáo hạn khoản vay trước. Sau đó để thực hiện thỏa thuận cho bà Ch vay số tiền 650.000.000 đồng, vợ chồng bà N, ông L tiếp tục ký hợp đồng thế chấp tài sản là căn nhà của mình để bảo đảm khoản vay 650.000.000 đồng cho Công TNHH May Trường T của bà Ch vay Ngân hàng TMCP Ph (Chi nhánh H) tại Hợp đồng tín dụng số 006/08/11BL ngày 19/8/2011, thời hạn vay 12 tháng từ ngày 19/8/2011 đến ngày 19/8/2012, lãi suất 1,9%/tháng.

Do bà Ch vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã khởi kiện và yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp. Tại Bản án số 53/2013/KDTM-ST ngày 30/9/2013 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình và Bản án số 446/2014/KDTM-PT ngày 01/4/2014 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử buộc Công ty TNHH May Trường T phải trả cho Ngân hàng số tiền 735.169.357 đồng, quá thời hạn mà Công ty TNHH May Trường T không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp của ông L, bà N.

Quá trình thi hành án, bà Ch và Công ty Trường T không trả tiền cho Ngân hàng. Ông L, bà N phải bán căn nhà trên để trả nợ cho Ngân hàng, giảm bớt thiệt hại; tổng số tiền thanh toán trả Ngân hàng là 1.176.308.201 đồng.

Bà Ch vay tiền qua hình thức nhờ vợ chồng ông đứng tên bảo lãnh thế chấp tài sản tại Ngân hàng, do đó ông L khởi kiện yêu cầu bà Ch phải trả cho vợ chồng ông số tiền 1.176.308.201 đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đồng thời với nộp đơn khởi kiện, ngày 13/11/2018, ông L đã nộp đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ theo quy định tại khoản 11 Điều 114, Điều 126 Bộ luật Tố tụng dân sự đối với bà Ch.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyên đơn do ông Lê Văn D là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Do bà Ch có những nghĩa vụ về tài sản trước đó, phải có trách nhiệm trả tiền cho nguyên đơn, nên ngày 14/4/2011 hai bên mới ra công chứng hợp đồng vay tiền không tài sản bảo đảm. Các bên đã thỏa thuận và thống nhất rằng bị đơn bà Ch đã vay tiền nên mới chịu tiền lãi kể từ ngày ký hợp đồng. Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay 650.000.000 đồng và tiền lãi trong 10 năm theo thỏa thuận của hợp đồng vay tiền không biện pháp bảo đảm ngày 14/4/2011 với lãi suất 1,5%/tháng là 1.404.000.000 đồng; Tổng cộng: 2.054.000.000 đồng. Thanh toán ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật và tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo quy định pháp luật.

Bị đơn bà Huỳnh Lê Hồng Ch có đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Phan Thị N, ông Lê Văn L cần tiền làm ăn nhưng không có giấy phép kinh doanh, không đủ điều kiện để vay ngân hàng. Vì vậy, vợ chồng bà N, ông L nhờ bà Ch là Giám đốc Công ty TNHH May Trường T sử dụng pháp nhân của mình để ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Ph vay số tiền 650.000.000 đồng. Bà N, ông L thế chấp căn nhà 74/7 đường H, Phường H, quận B, Tp. Hồ Chí Minh cho Ngân hàng để bảo đảm cho khoản vay này. Ngày 05/8/2010, Ngân hàng TMCP Ph và Công ty Trường T đã ký hợp đồng tín dụng số 011/08/10BL.

Sau khi tất toán Hợp đồng tín dụng số 011/08/10BL, do bà N, ông L có nhu cầu tiếp tục cần vốn và nhờ Công ty Trường T đứng ra vay tiếp. Ngày 19/8/2011, Công ty Trường T ký hợp đồng tín dụng số 006/08/11BL với Ngân hàng Ph vay số tiền 650.000.000 đồng. Vợ chồng bà N, ông L tiếp tục thế chấp nhà để đảm bảo cho khoản vay (theo Hợp đồng thế chấp số 006/2011/HĐBL/PGD.NTB ngày 19/8/2011, số công chứng 034411 ngày 19/8/2011 tại Phòng Công chứng 4A, Tp. Hồ Chí Minh). Toàn bộ số tiền vay do bà N, ông L nhận nhưng sau đó không đưa tiền để đóng lãi hàng tháng và trả nợ gốc cho Ngân hàng.

Do vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu Công ty Trường T phải trả nợ. Tại Bản án số 53/2013/KDTM-ST ngày 30/9/2013 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình và Bản án số 446/2014/KDTM-PT ngày 01/4/2014 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh buộc Công ty Trường T thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi là 735.169.357 đồng, trường hợp Công ty Trường T không thanh toán thì Ngân hàng được quyền phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Cá nhân bà Ch không vay mượn tiền của ông L nên không phải trả số tiền 1.176.308.201 đồng như yêu cầu khởi kiện. Các Hợp đồng tín dụng do Công ty Trường T vay tiền chứ không phải cá nhân bà Ch. Bản án buộc Công ty Trường T thanh toán cho Ngân hàng, tiền nợ gốc và lãi do ông L đứng ra trả khi thi hành án là 1.176.308.201 đồng. Do đó, ông L khởi kiện yêu cầu bà Ch trả tiền nợ là không đúng mà đối tượng khởi kiện phải là Công ty Trường T.

Ngày 14/4/2011, bà Ch và ông L có ký “Hợp đồng vay tiền không biện pháp bảo đảm”, được công chứng số 005127, quyển số 1 tại Văn Phòng Công chứng B. Theo hợp đồng, thỏa thuận bà Ch vay của ông L số tiền 650.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 14/6/2011. Thực tế không có việc giao nhận tiền, Hợp đồng ký ngày 14/4/2011 nhưng thời hạn vay tính từ ngày 14/6/2011 nghĩa là sau 02 tháng mới đến hạn, điều này chứng minh ông L chưa giao tiền vay cho bà Ch.

Về biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản là Quyền sử dụng đất diện tích 889m² (*thuộc thửa 114 tờ bản đồ số 13 xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 428504, Số vào sổ cấp GCN: CH 04949 do Ủy ban nhân dân huyện C, Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 05/02/2015 và đã được cập nhật nội dung thay đổi ngày 02/8/2018*), bị đơn xác định tài sản này do bà Ch chỉ đứng tên giùm cho gia đình, do vậy việc ông L yêu cầu Tòa án ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nêu trên là không đúng với quy định của pháp luật.

Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 38/2019/QĐ-BPKCTT ngày 09/01/2019 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn yêu cầu Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 68, điểm b khoản 1 Điều 192 và điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị N trình bày: Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đắc Minh Q trình bày: Ông Q và vợ là bà Ch kinh doanh riêng, ông không liên quan đến việc vay mượn tiền giữa bà Ch và ông Long, xin được vắng mặt trong tất cả các phiên làm việc, hòa giải, xét xử của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP S có đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 446/2014/KDTM-PT ngày 01/4/2014 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã được thi hành xong. Ngày 14/6/2018, Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình ban hành Quyết định số 222/QĐ-CCTHADS về việc giải tỏa kê biên tài sản là nhà đất thuộc thửa 35 tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại số 74/7 đường H (đường mới T), Phường H, quận B, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở có số vào sổ 239/UB.GCN ngày 22/3/2007 của UBND quận Tân Bình. Ngân hàng TMCP S không còn các quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án tranh chấp giữa ông Lê Văn L và bà Huỳnh Lê Hồng Ch.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh Ngọc P và bà Lê Thị H trình bày:

Quyền sử dụng đất diện tích 889m² bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình phong tỏa theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 38/2019/QĐ-BPKCTT ngày 09/01/2019 là của vợ chồng bà H, ông P nhờ con là bà Ch đứng tên giữ, có lập Văn bản thỏa thuận ngày 15/5/2018. Ông P, bà H yêu cầu Tòa án hủy quyết định khẩn cấp tạm thời nêu trên.

Bản án dân sự sơ thẩm số 351/2022/DS-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 281; Điều 471; Điều 476 Bộ luật dân sự 2005;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn L.

2. Buộc bà Huỳnh Lê Hồng Ch phải trả cho ông Lê Văn L và bà Phan Thị N số tiền nợ theo Hợp đồng vay tiền không biện pháp bảo đảm do Văn Phòng Công chứng B, Tp. Hồ Chí Minh công chứng số 005127, quyền số 1 TP/CC ngày 14/4/2011 với số tiền nợ gốc: 650.000.000đ và tiền lãi 887.500.000đ; tổng cộng: 1.537.500.000đ.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Huỳnh Lê Hồng Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 58.125.000đ.

4. Duy trì Quyết định khẩn cấp tạm thời số 38/2019/QĐ-BPKCTT ngày 09/01/2019 để bảo đảm thi hành án.

5. Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 18/2019/QĐ-BPBD ngày 08/01/2019. Ông Lê Văn L được nhận lại số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) trong tài khoản số 017818280003 tại Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh T- Phòng Giao dịch L.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần kháng cáo và thủ tục thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 30/9/2022, bị đơn bà Huỳnh Lê Hồng Ch có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 351/2022/DS-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình. Yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và hủy bỏ Quyết định khẩn cấp tạm thời số 38/2019/QĐ-BPKCTT ngày 09/01/2019. Lý do kháng cáo: Tòa sơ thẩm không khách quan, không xem xét, đánh giá đúng bản chất vụ án; nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc bị đơn có vay tiền của nguyên đơn; việc ban hành quyết định khẩn cấp tạm thời không đúng quy định, trình tự và ảnh hưởng nghiêm trọng tới quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo không rút kháng cáo, các đương sự không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, phân tích nhận định về nội dung kháng cáo, đã nhận xét và đề nghị như sau:

- Về tố tụng: Giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự được đảm bảo để thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo qui định của pháp luật.

- Về nội dung: Nguyên đơn không chứng minh được việc đã giao cho bị đơn số tiền 650.000.000 đồng theo “Hợp đồng vay tiền không biện pháp bảo đảm” ngày 14/4/2011. Đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền mà nguyên đơn đã phải bỏ ra để thi hành án cho hợp đồng tín dụng của Công ty TNHH May Trường T, nguyên đơn khởi kiện cá nhân bà Ch trả nợ là không có căn cứ. Đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 351/2022/DS-ST ngày

27/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hủy bỏ Quyết định khẩn cấp tạm thời số 38/2019/QĐ-BPKCTT ngày 09/01/2019 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình. Về án phí, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn, án phí phúc thẩm đương sự không phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Kháng cáo của bị đơn được thực hiện đảm bảo đúng quy định về thời hạn và thủ tục. Thẩm quyền giải quyết vụ án sơ thẩm đã xác định đúng, đã đưa đủ người tham gia tố tụng, việc thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Theo “Đơn khởi kiện” ngày 13/11/2018, nguyên đơn yêu cầu bị đơn Huỳnh Lê Hồng Ch phải trả số tiền 1.176.308.201 đồng, là khoản tiền nguyên đơn đã phải bỏ ra để thi hành Bản án số 446/2014/KDTM-PT ngày 01/4/2014 có nội dung buộc Công ty TNHH May Trường T phải trả nợ vay cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay 650.000.000 đồng và tiền lãi trong 10 năm theo thỏa thuận của “Hợp đồng vay tiền không biện pháp bảo đảm” ngày 14/4/2011 được ký giữa nguyên đơn và bị đơn với lãi suất 1,5%/tháng là 1.404.000.000 đồng; Tổng cộng: 2.054.000.000 đồng. Bản án sơ thẩm giải quyết về nội dung tranh chấp đối với “Hợp đồng vay tiền không biện pháp bảo đảm” ngày 14/4/2011.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn cùng thừa nhận tranh chấp tại vụ án xuất phát từ giao dịch ban đầu giữa hai bên phát sinh vào năm 2008, nội dung nguyên đơn nhờ Công ty TNHH May Trường T ký hợp đồng vay Ngân hàng số tiền 300 triệu đồng (nguyên đơn chỉ thừa nhận được nhận là 250 triệu đồng), vợ chồng nguyên đơn thế chấp nhà cho Ngân hàng để đảm bảo khoản vay này.

Năm 2009, đến hạn phải trả nợ nên nguyên đơn tiếp tục nhờ Công ty TNHH May Trường T ký hợp đồng vay Ngân hàng số tiền 625 triệu đồng, vợ chồng nguyên đơn tiếp tục thế chấp nhà cho Ngân hàng để đảm bảo hợp đồng vay. Năm 2010 và 2011 các bên xác lập các giao dịch như các đương sự đã trình bày.

Xét thấy:

Căn cứ các hợp đồng vay, các hợp đồng thế chấp thể hiện Công ty TNHH May Trường T là bên ký hợp đồng tín dụng vay Ngân hàng, tại các hợp đồng này đều có sự tham gia xác lập giao dịch và ký tên của vợ chồng nguyên đơn (ông Lê Văn L và bà Phan Thị N) với tư cách là người liên quan (Bên thế chấp bảo lãnh) để đảm bảo cho khoản vay. Đồng thời ông Lê Văn L và bà Phan Thị N còn ký các hợp đồng thế chấp với ngân hàng, tài sản thế chấp là nhà đất của nguyên đơn để đảm bảo hợp đồng vay của Công ty TNHH May Trường T.

Quá hạn trả nợ theo hợp đồng vay nên Ngân hàng khởi kiện và bản án có hiệu lực đã buộc Công ty TNHH May Trường T trả nợ cho Ngân hàng. Ông L đã đứng ra trả toàn bộ số nợ vốn lãi mà Công ty TNHH May Trường T phải thi hành án cho Ngân hàng theo hợp đồng vay tại thời điểm thi hành án là 1.176.308.201 đồng, để được nhận lại tài sản nhà đất đã thế chấp.

Như vậy, giao dịch liên quan đến khoản vay tại hợp đồng được xác định giữa ba chủ thể là vợ chồng ông L với pháp nhân là Công ty TNHH May Trường T và Ngân hàng. Trong trường hợp như nội dung tại đơn khởi kiện, ông L kiện đòi số tiền 1.176.308.201 đồng mà ông đã bỏ ra để thi hành án cho Công ty TNHH May Trường T, thì phải kiện bị đơn là Công ty TNHH May Trường T mới đúng. Việc ông khởi kiện đối với cá nhân bà Huỳnh Lê Hồng Ch là không đúng nên không có căn cứ chấp nhận.

Về “Hợp đồng vay tiền không biện pháp bảo đảm” ký ngày 14/4/2011 giữa nguyên đơn với bị đơn: Tại hợp đồng thỏa thuận về điều khoản thanh toán giao nhận tiền như sau *“Việc giao nhận tiền do hai bên thực hiện ngoài sự chứng kiến của Công chứng viên”*. Hợp đồng hai bên ký ngày 14/4/2011 nhưng thỏa thuận về thời hạn thực hiện có nội dung *“thời hạn vay từ 14/6/2011”*, tức sau 02 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Xét nội dung hai bên giao kết tại hợp đồng đã chứng minh cụ thể tại thời điểm ký hợp đồng thì không xảy ra việc giao nhận tiền. Sau khi ký hợp đồng cho đến nay, nguyên đơn cũng không có bất kỳ giấy tờ, tài liệu, chứng từ hoặc một chứng cứ nào để chứng minh sự việc có giao số tiền vay như hợp đồng cho bị đơn. Bị đơn không thừa nhận việc đã nhận số tiền vay của nguyên đơn tại “Hợp đồng vay tiền không biện pháp bảo đảm” ngày 14/4/2011 nên không có cơ sở nào để chấp nhận lời trình bày của nguyên đơn về việc đã thực hiện giao tiền cho bị đơn.

Án sơ thẩm nhận định do hợp đồng đã có hiệu lực nên hai bên đã thực hiện việc giao nhận tiền vay theo thỏa thuận tại hợp đồng; và nhận định việc giữa nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận vay tài sản, đã giao kết và hợp đồng được công chứng nên có giá trị pháp lý buộc các bên phải thực hiện, từ đó sơ thẩm xác định đã có việc giao nhận tiền. Xét nhận định này của sơ thẩm là hoàn toàn không có cơ sở, không phù hợp với quy định về chứng cứ và chứng minh. Bởi lẽ việc hai bên giao dịch xác lập hợp đồng và công chứng hợp đồng không đồng nghĩa và không là chứng cứ chứng minh cho việc hai bên đã thực hiện các giao kết tại hợp đồng. Trong khi đó, hợp đồng thể hiện cụ thể tại điều khoản về giao nhận tiền là *“Việc giao nhận tiền do hai bên thực hiện ngoài sự chứng kiến của Công chứng viên”*.

Như vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 2.054.000.000 đồng (gốc: 650.000.000 đồng và lãi 1.404.000.000 đồng) theo “Hợp đồng vay tiền không biện pháp bảo đảm” ngày 14/4/2011 là cũng không có căn cứ chấp nhận, vì nguyên đơn không chứng minh được việc đã giao số tiền vay cho bị đơn theo thỏa thuận tại hợp đồng.

[3] Về giao dịch liên quan đến hợp đồng tín dụng và thế chấp được xác định giữa ba chủ thể là vợ chồng ông L với pháp nhân là Công ty TNHH May Trường

T và Ngân hàng, ông L có quyền khởi kiện Công ty TNHH May Trường T bằng một vụ kiện khác, theo quy định của pháp luật.

[4] Từ nhận định trên, xét có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm, như ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phúc thẩm. Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Đối với yêu cầu hủy bỏ việc áp dụng Biện pháp khẩn cấp tạm thời: Xét bị đơn không có nghĩa vụ phải thi hành với nguyên đơn nên phúc thẩm chấp nhận yêu cầu hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và được giải quyết bằng một quyết định riêng, theo quy định tại Điều 291 và Chương VIII của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 412, Điều 471, Điều 473 Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 351/2022/DS-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc đòi bà Huỳnh Lê Hồng Ch phải trả cho ông Lê Văn L và bà Phan Thị N số tiền nợ theo “Hợp đồng vay tiền không biện pháp bảo đảm” do Văn Phòng Công chứng B, Tp. Hồ Chí Minh công chứng số 005127, quyển số 1 TP/CC ngày 14/4/2011, với số tiền tổng cộng: 2.054.000.000 đồng (nợ gốc: 650.000.000 đồng và tiền lãi 1.404.000.000 đồng).

2. Án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Án phí phúc thẩm: Đương sự không phải chịu; Trả lại cho bà Huỳnh Lê Hồng Ch số tiền tạm ứng 300.000 đồng (Biên lai thu số AA/2021/0032036 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình).

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận Tân Bình;
- THADS quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng (T.25).

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Hồng Giảng